

Số: 11/QĐ-UBND

Nghinh Tường, ngày 10 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2024
xã Nghinh Tường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGHINH TƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Võ Nhai về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước huyện Võ Nhai năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2023 của HĐND xã Nghinh Tường khóa XX nhiệm kỳ 2021-2026 kỳ họp thứ Mười, về việc phê chuẩn dự toán thu, chi ngân sách xã Nghinh Tường năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ phận Tài chính- Kế toán xã Nghinh Tường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 xã Nghinh Tường. (chi tiết có biểu 113,114,115 kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Giao cho Văn phòng HĐND-UBND xã, thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Nghinh Tường, thời gian công khai 30 ngày. Giao cho Văn hóa xã hội đăng tải trên hệ thống cổng thông tin điện tử của UBND xã theo quy định.

Điều 3. Văn phòng HĐND- UBND, Bộ phận Tài chính - Kế toán, Văn hóa xã hội, các Ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện;
- Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, Phó CT UBND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VP, TCKT.

CHỦ TỊCH

Nông Đình Tuất

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	6.266.680.000	24.067.489.304	384,95
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	20.000.000	221.233.794	1.106,17
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	68.000.000	116.996.158	172,05
3	Thu bổ sung	6.178.680.000	21.562.238.960	348,98
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.075.680.000	5.075.680.000	100,00
	- Bổ sung có mục tiêu	1.103.000.000	16.486.558.960	1.494,70
4	Thu chuyển nguồn		2.167.020.392	
II	TỔNG SỐ CHI	23.712.323.352	12.435.846.981	52,44
1	Chi đầu tư phát triển	4.666.539.002	2.741.956.026	58,76
2	Chi thường xuyên	19.041.784.350	9.693.890.955	50,91
3	Dự phòng	4.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN 5 = 3/1	THU NSX 6 = 4/2
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	186.000.000	6.266.680.000	141.544.323	24.067.489.304	76,10	384,05
I	Các khoản thu 100%	20.000.000	20.000.000	17.010	24.254.000	0,09	121,27
	Thu các khoản chi năm trước				1.347.000		
1	Phí, lệ phí	10.000.000	10.000.000		12.707.000		127,07
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	10.000.000	10.000.000	17.010	10.200.000	0,17	102,00
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	166.000.000	68.000.000	141.527.313	116.996.158	85,26	172,05
1	Các khoản thu phân chia	11.000.000	8.000.000	11.493.709	18.193.712	104,49	227,42
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.000.000	5.000.000		6.700.000		134,00
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	6.000.000	3.000.000	11.493.709	11.493.712	191,56	383,12
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	155.000.000	60.000.000	130.033.604	98.802.446	83,89	164,67
	Thu từ CNKD	14.000.000	7.000.000				
2.1	Thu tiền sử dụng đất	100.000.000	45.000.000	75.813.750	75.813.750	75,81	168,48
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thu từ cấp quyền SD đất	15.000.000	8.000.000				
2.4	Thuế giá trị gia tăng	26.000.000		31.435.082	216.909	120,90	
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp			13.003			
2.6	Thuế thu nhập cá nhân			22.771.769	22.771.787		
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
IV	Thu chuyển nguồn				2.167.020.392		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước				196.979.794		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		6.178.680.000		21.562.238.960		348,98
1	Thu bổ sung cân đối		5.075.680.000		5.075.680.000		100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu		1.103.000.000		16.486.558.960		1.494,70

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	23.760.057.352	4.718.273.002	19.041.784.350	12.435.846.981	2.741.956.026	9.693.890.955	52,34	58,11	50,91
	Trong đó:									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	1.329.131.996		1.329.131.996	1.126.490.889		1.126.490.889	84,75		84,75
	Chi dân quân tự vệ	691.040.000		691.040.000	638.204.891		638.204.891	92,35		92,35
	Chi trật tự an toàn xã hội	638.091.996		638.091.996	488.285.998		488.285.998	76,52		76,52
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ									
3	Chi y tế	7.734.000	7.734.000		12.395.800	12.395.800		160,28	160,28	
	Chi y tế khác									
	Chi y tế Dự phòng				12.395.800	12.395.800				
4	Chi văn hóa, thông tin	683.000.000	51.000.000	632.000.000	69.270.000	37.270.000	32.000.000	10,14	73,08	5,06
5	Chi phát thanh, truyền thanh									
6	Chi thể dục, thể thao	22.000.000		22.000.000	22.000.000		22.000.000	100,00		100,00
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	12.481.496.000	2.806.496.000	9.675.000.000	4.597.742.126	2.648.290.226	1.949.451.900	36,84	94,36	20,15
	Giao thông	5.267.496.000	2.806.496.000	2.461.000.000	3.372.928.226	2.648.290.226	724.638.000	64,03	94,36	29,44
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	2.196.000.000		2.196.000.000	1.198.543.900		1.198.543.900	54,58		54,58
	Thị chính, Cấp thoát nước	2.277.000.000		2.277.000.000	3.000.000		3.000.000	0,13		0,13
	Thương mại, du lịch	1.500.000.000		1.500.000.000						
	Các hoạt động kinh tế khác	1.241.000.000		1.241.000.000	23.270.000		23.270.000	1,88		1,88
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	8.988.819.356	1.853.043.002	7.135.776.354	6.363.512.366	44.000.000	6.319.512.366	70,79	2,37	88,56
	Trong đó: Quỹ lương				4.422.736.528		4.422.736.528			
	Quản lý Nhà nước	6.556.732.356	1.853.043.002	4.703.689.354	3.935.637.366	44.000.000	3.891.637.366	60,02	2,37	82,74
	Ủy ban nhân dân xã	6.064.036.356	1.809.043.002	4.254.993.354	3.539.850.566	44.000.000	3.495.850.566	58,37	2,43	82,16
	Hội Đồng Nhân dân xã	448.696.000		448.696.000	395.786.800		395.786.800	88,21		88,21
	Đảng Cộng sản Việt Nam	832.581.000		832.581.000	832.581.000		832.581.000	100,00		100,00

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
		1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
A	B									
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	510.603.000		510.603.000	516.889.200		516.889.200	101,23		101,23
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	255.000.000		255.000.000	197.235.400		197.235.400	77,35		77,35
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	277.000.000		277.000.000	284.942.800		284.942.800	102,87		102,87
	Hội Cựu chiến binh	185.000.000		185.000.000	202.461.000		202.461.000	109,44		109,44
	Hội Nông dân	214.000.000		214.000.000	235.862.600		235.862.600	110,22		110,22
	Chi các hiệp hội khác	157.903.000		157.903.000	157.903.000		157.903.000	100,00		100,00
	Hội nạn nhân CD da cam	19.440.000		19.440.000	22.356.000		22.356.000	115,00		115,00
	Hội khuyến học	17.918.000		17.918.000						
	Chi hỗ trợ các hiệp hội khác									
	Hội người cao tuổi	52.154.000		52.154.000	62.229.600		62.229.600	119,32		119,32
	Hội Chữ thập đỏ	68.391.000		68.391.000	73.317.400		73.317.400	107,20		107,20
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể									
10	Chi cho công tác xã hội	243.876.000		243.876.000	198.837.000		198.837.000	81,53		81,53
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	189.666.000		189.666.000	153.804.000		153.804.000	81,09		81,09
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa (CTV thú y+ chúc thọ)	44.210.000		44.210.000	35.033.000		35.033.000	79,24		79,24
	Trợ cấp xã hội									
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	10.000.000		10.000.000	10.000.000		10.000.000	100,00		100,00
	Khác (Chi nguồn làm lương)									
	Chi khác									
12	Dự phòng	4.000.000		4.000.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
	Nộp trả ngân sách cấp trên				45.598.800		45.598.800			

Nghinh Tường, ngày 11 tháng 01 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2024

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã phường, thị trấn; Căn cứ kết quả thực hiện thu, chi ngân sách xã năm 2024, Bộ phận Tài chính - kế toán thuyết minh báo cáo kết quả thực hiện dự toán năm 2024 như sau:

I. Một số đặc điểm:

Nghinh Tường là một xã đặc biệt khó khăn của huyện Võ Nhai, từ xã đến huyện khoảng 50 km. Xã có 07 xóm, tổng diện tích tự nhiên là 8.429,65 ha nằm ở phía Bắc huyện Võ Nhai, toàn xã 700 hộ, 3.268 nhân khẩu, có 02 dân tộc anh em cùng sinh sống gồm Tày và Dao. Tỷ lệ hộ nghèo 40%, trình độ dân trí chưa đồng đều, đời sống kinh tế nhân dân các dân tộc trong xã gặp rất nhiều khó khăn, thu nhập bình quân đầu người còn thấp, đặc biệt là các xóm đồng bào dân tộc.

- Mục tiêu và nhiệm vụ kinh tế tài chính trong năm

Dưới sự lãnh đạo của Đảng năm 2024 thực chủ trương đổi mới phát triển kinh tế-xã hội, chính quyền và nhân dân tộc xã Nghinh Tường luôn phấn đấu, đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, từng bước giảm nghèo, giáo dục, y tế được đầu tư, phát triển, xã hội ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững, phấn đấu thu đạt và vượt các chỉ tiêu thu cân đối, thực hiện chi Ngân sách theo đúng Luật ngân sách và các văn bản hướng dẫn, thực hiện đáp ứng nhu cầu chi cần thiết để đảm bảo cho mọi hoạt động thường xuyên của xã cũng như nhiệm vụ phát sinh đột xuất trong năm.

II. Tình hình ngân sách và Tài chính xã

1. Thu ngân sách xã. Tổng thu ngân sách đến hết năm 2024 chi tiết như sau;

Nội dung	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ %
Tổng thu cân đối theo NQ HĐND	186.000.000	283.065.672	152,2
Tổng thu NS đã qua Kho bạc	6.266.680.000	24.067.489.304	384,05
- Thu cân đối xã được hưởng	88.000.000	141.250.158	160,5
- Thu BS tư cấp trên (giao đầu năm)	5.075.680.000	5.075.680.000	100,0
- Thu BS có mục tiêu tư cấp trên (giao đầu năm)	1.103.000.000	1.103.000.000	100,0
- Thu BS có mục tiêu tư cấp trên (giao trong năm)		15.383.558.960	
- Thu chuyển nguồn		2.167.020.392	
- Thu kết dư		196.979.794	

2. Chi ngân sách xã

- Tổng chi ngân sách đến hết năm 2024: Tổng chi 52,3% : Chi thường xuyên theo kế hoạch giao đầu năm đạt 99,8% . Chi đầu tư phát triển giao trong kỳ đạt 95,7 %, chi kinh phí bổ sung trong kỳ 3%. Chi tiết;

Nội dung	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ %
Tổng chi	23.760.048.352	12.435.846.981	52,339
Chi thường xuyên (giao đầu năm và bổ sung trong năm)	20.850.818.352	9.648.292.155	46,3
Chi đầu tư phát triển (giao đầu năm)	45.000.000		0,0
Chi đầu tư phát triển (giao bổ sung trong kỳ)	2.864.230.000	2.741.956.026	95,7
Chi chuyển giao các cấp NS (Trả NS huyện)		45.598.800	
Nội dung	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ %

Chi ngân sách đến hết **năm 2024** so với dự toán được giao theo tiến độ. Nhìn chung kế hoạch chi được đảm bảo, đã thực hiện tiết kiệm trong chi tiêu, các chế độ chi lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, phụ cấp cho các đối tượng được chi trả đầy đủ theo quy định. Chi đầu tư phát triển theo vốn bổ sung của cấp trên kịp thời. Chi dự án còn chậm, một số dự án cấp kinh phí muộn (tháng 11, 12/2024 mới cấp) xã không đủ thời gian để làm hồ sơ theo đúng quy trình, phải thực hiện chuyển nguồn sang năm sau khiến cho tổng chi chỉ đạt mức trung bình.

Nhận xét; Thu, chi ngân sách xã;

Được sự lãnh đạo của, chỉ đạo của Ban thường vụ Đảng ủy xã, TT Hội đồng nhân dân và các cơ quan chuyên môn cấp trên trong việc quản lý điều hành thu, chi ngân sách.

- Năm 2024 thu ngân sách xã các khoản thu ngân sách đạt kết quả theo đúng tiến độ. Đa số chỉ tiêu thu đã đạt và vượt chỉ tiêu, một chỉ tiêu thu chưa thu được (thu từ chứng nhận kinh doanh). Năm 2024 tăng thu bổ sung từ ngân sách cấp trên cho các dự án, chương trình có mục tiêu, đã thực hiện rút, phân bổ, bổ sung và chi theo quy định.

- Chi ngân sách đúng theo Luật Ngân sách Nhà nước, công tác chi thường xuyên luôn đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho các hoạt động của bộ máy chính quyền cấp xã, giải quyết kịp thời, đầy đủ về chế độ chính sách cho cán bộ theo quy định. Tiết kiệm chống lãng phí. Giải ngân vốn đầu tư xây dựng các công trình kịp thời khi được cấp vốn.

Trên đây là Thuyết minh Báo cáo tài chính thu, chi ngân sách xã Nghinh tường năm 2024./.

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)



Nguyễn Thị Hà

CHỦ TỊCH UBND XÃ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nông Đình Tuất